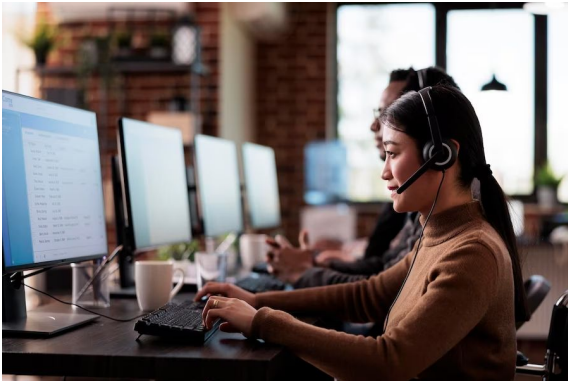


Lesson Overview

Approaching customers for the first time



Imagine you are a telesales person. You are calling your potential customer to introduce your company's products and services. What will you say during the call?

Useful language

	Words and Expressions	Meaning
Check identity		
1	Hello, am I speaking to [name]?	Xin chào, tôi đang nói chuyện với [tên] phải không?
2	Is that [name]?	Đó có phải là [tên] không?
Introduce yourself		
3	This is [your name] from [company name].	Đây là [tên của bạn] từ [tên công ty].
4	My name is [your name], and I'm calling from [company name].	Tên tôi là [tên của bạn] và tôi đang gọi từ [tên công ty].
Check availability		
5	Is this a good time to chat?	Đây có phải là thời điểm thích hợp để trò chuyện không?
6	I hope I'm not interrupting anything important?	Tôi hy vọng tôi không làm gián đoạn bất cứ điều gì quan trọng?

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
Explaining company and reason for call		
7	I'm reaching out today to introduce our services and explore how we might be able to benefit your company.	Hôm nay tôi liên hệ để giới thiệu các dịch vụ của chúng tôi và khám phá cách chúng tôi có thể mang lại lợi ích cho công ty của bạn.
8	At [company name], we specialize in providing [products] that help businesses like yours [benefits].	Tại [tên công ty], chúng tôi chuyên cung cấp [sản phẩm] giúp các doanh nghiệp như của bạn [lợi ích].
9	Office Furniture and Equipment	Nội thất và thiết bị văn phòng
10	Create a comfortable and functional workspace, boosting employee productivity, satisfaction, and overall well-being.	Tạo ra một không gian làm việc thoải mái và tiện dụng, nâng cao năng suất, sự hài lòng và sức khỏe tổng thể của nhân viên.
11	Logistics and Shipping Services	Dịch vụ hậu cần và vận chuyển
12	Streamline supply chain management, reduce shipping costs, and ensure timely and accurate delivery of goods.	Hợp lý hóa việc quản lý chuỗi cung ứng, giảm chi phí vận chuyển và đảm bảo giao hàng kịp thời và chính xác.
13	Cybersecurity Services	Dịch vụ an ninh mạng
14	Protect sensitive data and networks from cyber threats, safeguarding company reputation, avoiding financial losses, and ensuring compliance with data protection regulations.	Bảo vệ dữ liệu và các kết nối quan trọng khỏi các mối đe dọa trên mạng, bảo vệ danh tiếng của công ty, tránh tổn thất tài chính và đảm bảo tuân thủ các quy định bảo vệ dữ liệu.
Deflecting objections and rejections		
15	I'm not authorized for this.	Tôi không có quyền để quyết định việc này.

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
16	No problem. Let me send you some resources via email. Alternatively, if you could put me in touch with the office in charge, I would greatly appreciate that.	Không sao. Hãy để tôi gửi cho bạn một số thông tin qua email. Ngoài ra, nếu bạn có thể giúp tôi liên hệ với văn phòng phụ trách, tôi sẽ rất biết ơn điều đó.
17	I already have one.	Tôi đã có sản phẩm này rồi.
18	I appreciate that you already have a solution in place. If you don't mind my asking, how has your current [product] been working for you?	Thật vui vì bạn đã có sẵn giải pháp. Nếu bạn không phiền, cho phép tôi hỏi, [sản phẩm] hiện tại của bạn có tác dụng với bạn như thế nào?
19	I need to discuss this internally.	Tôi cần bàn bạc thêm.
20	Of course! I'll go ahead and get you the full details so you have everything you need to review it with your team. What's your email address so I can send this to you?	Tất nhiên rồi! Tôi sẽ cung cấp cho bạn thông tin chi tiết đầy đủ để bạn có mọi thứ cần thiết để cùng nhóm của mình xem xét. Địa chỉ email của bạn là gì để tôi có thể gửi thông tin cho bạn?
Identifying pain points & highlighting product efficiencies		
21	Do you currently face any challenges or pain points in [area] that you'd be open to discussing?	Hiện tại bạn có phải đối mặt với bất kỳ thách thức hoặc điểm khó khăn nào trong [lĩnh vực] mà bạn sẵn sàng chia sẻ không?
22	I appreciate you sharing that with me, [name]. That's why my company specializes in / focus on [efficiencies].	Tôi đánh giá cao việc bạn chia sẻ điều đó với tôi, [tên]. Đó là lý do tại sao công ty của tôi chuyên/tập trung vào [hiệu quả của sản phẩm].

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
23	space optimization that can create a clutter-free environment, leading to enhance efficiency and organization.	tối ưu hóa không gian có thể tạo ra một môi trường sạch sẽ, dẫn đến nâng cao hiệu quả và tổ chức.
24	cost savings that can optimize routes and modes of transportation, leading to a reduction in shipping costs.	tiết kiệm chi phí có thể tối ưu hóa các tuyến đường và phương thức vận chuyển, dẫn đến giảm chi phí vận chuyển.
25	automated security management that can automate security management tasks, leading to reductions in time and resources.	quản lý bảo mật tự động có thể tự động hóa các nhiệm vụ quản lý bảo mật, giúp giảm thời gian và tài nguyên.

Ending the conversation

26	Would it be possible to arrange a meeting where I could explain our services in more detail?	Liệu tôi có thể sắp xếp một cuộc gặp để giải thích chi tiết hơn về dịch vụ của chúng tôi không?
27	When's a good time for you, [name]?	Khi nào là thời điểm thích hợp cho bạn, [tên]?
28	I'll check our availability and send you an email with a meeting invitation for [time]. Thank you for considering [your company], [customer's name]. I'm looking forward to our upcoming conversation.	Tôi sẽ kiểm tra lịch rảnh của chúng ta và gửi cho bạn email kèm theo lời mời họp vào [thời gian]. Cảm ơn bạn đã xem xét [công ty của bạn], [tên khách hàng]. Tôi đang mong chờ cuộc trò chuyện sắp tới của chúng ta.

Other vocabularies/structures

29	campaign	chiến dịch
----	----------	------------

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
30	solutions	giải pháp
31	conversion	sự chuyển đổi
32	lead generation	tạo khách hàng tiềm năng
33	customer engagement	sự gắn kết của khách hàng
34	innovative marketing automation tools	công cụ tự động hóa tiếp thị tân tiến
35	advanced segmentation capabilities	khả năng phân loại nâng cao
36	upcoming conversation	cuộc trò chuyện sắp tới
37	streamline something	giúp thứ gì đó trôi chảy hơn
38	drive growth	thúc đẩy tăng trưởng